

CÔNG TY CỔ PHẦN Q&T HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN Q&T HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Q&T HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: Q&T HA NOI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109231037

3. Ngày thành lập: 19/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 1, thôn Vông La , Xã Vông La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
2.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
3.	Khai thác gỗ	0220
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
9.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
10.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
13.	Sản xuất đường	1072
14.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
15.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
16.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
17.	Sản xuất chè	1076
18.	Sản xuất cà phê	1077
19.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
21.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
27.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
28.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
29.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
32.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
33.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
34.	Xây dựng nhà để ở	4101
35.	Xây dựng nhà không để ở	4102
36.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
37.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
38.	Xây dựng công trình điện	4221
39.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Xây dựng công trình thủy	4291
43.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
44.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Phá dỡ	4311
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; Lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
54.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
55.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
56.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

57.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
58.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
59.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
62.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn đồ uống	4633
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
68.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

70.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
72.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
76.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
77.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
78.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
79.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.. Tư vấn giám sát Tư vấn đấu thầu	7110
81.	Điều hành tua du lịch Chi tiết : Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
82.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
85.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke)	9329

86.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
87.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
88.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

6. Vốn điều lệ: 600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Số 22 Ngách 475/41/22 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.800	198.000.000	33,000	035086003659	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	19.800	198.000.000	33,000		

2	PHAN TỰ QUYẾT	Thôn Vông La, Xã Vông La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.200	252.000.000	42,000	012407356	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	25.200	252.000.000	42,000		
3	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	Thôn Hải Bối, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	25,000	001183030302	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.000	150.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN TỰ QUYẾT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012407356

Ngày cấp: 09/05/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Võng La, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Võng La, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội